TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HSST
Ngày 09/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Tuyên;
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Dương Văn Xuyên – Giáo viên nghỉ hưu
Ông Nguyễn Văn Vĩ – Cán bộ nghỉ hưu
- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Doãn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Huy H, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2009 (tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 02 tháng 11 ngày); Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Thẻ CCCD: 001209055115; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn P, xã S, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông: Phạm Văn H1, sinh năm 1986; Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2025 đến ngày 31/12/2025. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Trịnh Hùng D, sinh năm 2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Thẻ CCCD: 001205041261; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn V, xã S, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông: Trịnh Văn C, sinh năm 1979; Con bà: Đoàn Thị H2, sinh năm 1983; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2025 đến ngày 25/12/2025. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn L, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2009 (tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 02 tháng 23 ngày); Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Thẻ CCCD: 001209033172; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn X, xã S, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông: Nguyễn Văn H3, sinh năm 1986; Con bà: Nguyễn Thị D1, sinh năm 1986; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại từ ngày 27/10/2025 đến ngày 25/12/2025. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

4. Họ và tên: Tạ Quang Đ, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2008 (tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 04 tháng 02 ngày); Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Thẻ CCCD: 001208019393; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn B, xã N, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông: Tạ Văn T, sinh năm 1985; Con bà: Phạm Thị T1, sinh năm 1985; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H. Có mặt tại phiên toà.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2008 (tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng 24 ngày); Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Thẻ CCCD: 001208002008; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn X, xã S, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1981; Con bà: Dương Thị N1, sinh năm 1982; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H. Có mặt tại phiên toà.

6. Họ và tên: Nguyễn Văn A, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2009 (tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 04 tháng 12 ngày); Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Thẻ CCCD: 001209032152; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn E, xã T, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1983; Con bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H. Có mặt tại phiên toà.

7. Họ và tên: Dương Bá Đ1, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2009 (tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 0 tháng 28 ngày); Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Thẻ CCCD: 001209031073; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn E, xã T, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Quốc tịch:

Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông: Dương Bá T3, sinh năm 1972; Con bà: Trần Hồng Q1, sinh năm 1983; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2025 đến nay tại Phân trại S, Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H. Có mặt tại phiên toà.

** Người bào chữa cho các bị cáo:* Nguyễn Văn L, Tạ Quang Đ, Phạm Huy H và Nguyễn Văn Q: Ông Nguyễn Văn L2 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H. Có mặt

** Người bào chữa cho các bị cáo:* Nguyễn Văn A và Dương Bá Đ1: Ông Vũ Văn D2 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H. Có mặt

** Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Phạm Huy H:* Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986. Ông H1 vắng mặt, bà N có mặt.

Cùng cư trú: Thôn P, xã S, thành phố Hà Nội

** Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn L:* Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1986. Ông H3 có mặt, bà D1 vắng mặt.

Cùng cư trú: Thôn X, xã S, thành phố Hà Nội

** Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Tạ Quang Đ:* Ông Tạ Văn T, sinh năm 1985 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1985. Ông T vắng mặt, bà T1 có mặt

Cùng cư trú: Thôn B, xã N, thành phố Hà Nội

** Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn Q:* Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1981 và bà Dương Thị N1, sinh năm 1982. Ông L1, bà N1 có mặt.

Cùng cư trú: Thôn X, xã S, thành phố Hà Nội

** Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn A:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988. Ông S, bà T2 có mặt.

Cùng cư trú: Thôn E, xã T, thành phố Hà Nội

** Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Dương Bá Đ1:* Ông Dương Bá T3, sinh năm 1972 và bà Trần Hồng Q1, sinh năm 1983. Ông T3, bà Q1 có mặt.

Cùng cư trú: Thôn E, xã T, thành phố Hà Nội

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn L3, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2009. Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật của anh L3: bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1963. Vắng mặt

Cùng cư trú: Thôn E, xã T, thành phố Hà Nội

2. Anh Nguyễn Quốc T4, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2010. Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật của anh T4: ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1984. Vắng mặt

Cùng cư trú: Thôn Y, xã Đ, thành phố Hà Nội

3. Anh Lê Ngọc T6, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2010. Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật của anh T6: bà Nguyễn Thị Kim S1, sinh năm 1985. Vắng mặt

Cùng cư trú: Thôn V, xã S, thành phố Hà Nội

4. Anh Đỗ Việt A1, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2010. Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật của anh Việt A1: bà Lê Thị T7, sinh năm 1977. Vắng mặt

Cùng cư trú: Thôn C, xã S, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 25 tháng 10 năm 2025, Phạm Huy H (sinh ngày 14/8/2009, trú tại: Thôn P, xã S, TP .) điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh than chở Lê Ngọc T6 (sinh ngày 01/01/2010, trú tại thôn V, xã S, Hà Nội) đến tổ A, xã S, TP . gặp Trịnh Hùng D (sinh năm: 2005, trú tại thôn V, xã S, Hà Nội) điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen xám, BKS 29S7 – 063.99; Đỗ Việt A1 (sinh ngày 28/5/2010, trú tại: thôn C, xã S, TP .); Tạ Quang Đ (sinh ngày 23/6/2008, trú tại Thôn B, xã N, TP .) điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh tím than BKS 29S2 – 161.47. Trong lúc đợi Nguyễn Quốc T4 (sinh ngày 13/3/2010, trú tại thôn Y, xã Đ, TP . - T4 rủ D, H đi chơi từ trước) tới, H bảo để H về cất xe mô tô H đang điều khiển. D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision BKS 29S7 – 063.99 đi cùng H đi cất xe ở nhà ông bà nội của H tại thôn P, xã S, TP .. H bảo để H đi lấy kiếm mang theo để nếu có gặp nhóm nào có hung khí thì dùng để đe dọa rồi H chở D đến đoạn qua cây xăng T11 lấy kiếm (Nguồn gốc thanh kiếm H khai nhặt được ở rìa đường, H không nhớ vị trí cụ thể, không rõ của ai). Sau khi lấy được kiếm, H điều khiển xe Honda Vision BKS 29S7 – 063.99 chở D ngồi sau cầm kiếm quay lại tổ A, xã S, TP . để tập trung cùng cả nhóm. Cùng lúc này, T4 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen nhám, BKS 29Y5 – 820.85 đến tổ A, xã S, TP . thì gặp Việt A1, T6 và Quang Đ. Sau đó, T4 chở T6, Việt A1 chở Quang Đ đi xuống thôn D, xã S, TP ..

Khi quay lại tổ A, xã S, TP ., không thấy nhóm bạn đâu, H gọi nhóm này quay lại và rủ thêm Nguyễn Văn L (sinh ngày 01/8/2009, trú tại Thôn X, xã S, TP .) cùng đi chơi thì L đồng ý. L điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng, không đeo BKS (Lâm mượn của 01 nam thanh niên tên T8 – không rõ nhân thân ở quán Đ2, tại thôn X, xã S, TP .) chở Nguyễn Văn Q (sinh ngày 31/7/2008, trú tại Thôn X, xã S, TP .) xuống tổ A, xã S, TP . thì gặp xe của H & D đang cầm theo kiếm.

Khoảng hơn 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn A (sinh ngày 13/6/2009, trú tại Thôn E, xã T, TP .) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu tím than,

không đeo BKS cùng Dương Bá Đ1 (sinh ngày: 27/9/2009, trú tại Thôn E, xã T, TP .) điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade, màu đen, không đeo BKS, chở Nguyễn Văn L3 (sinh ngày 18/11/2009, trú tại Thôn E, xã T, TP .) di chuyển đến ngã tư S thì gặp xe của H & D đang cầm theo kiếm, xe của L & Q. H rủ Văn A, Đ1 và L3 cùng đi chơi, cả nhóm chập lại và di chuyển đến thôn M, xã S, TP .. Khi di chuyển tới khu vực lối rẽ vào Trung tâm G thì gặp lại xe của T4 & T6, Việt A1 & Quang Đ.

Tại đây nhóm (sau đây gọi là nhóm của H) tập trung thành 06 xe, thống nhất đi lang thang ngoài đường, gặp nhóm nào thì sẽ khiêu khích đánh nhau nhóm đó. Cả nhóm di chuyển trên tuyến đường đôi thuộc khu tái định cư D, xã S, TP . với vận tốc khoảng 50 – 60km/h, khi di chuyển có lạng lách, đánh võng, không ai đội mũ bảo hiểm, cụ thể:

+ Xe 1: H điều khiển xe Honda Vision BKS 29S7 – 063.99 chở D ngồi sau cầm 01 kiếm.

+ Xe 2: Việt A1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 29S2-161.47 chở Quang Đ ngồi sau.

+ Xe 3: T4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 29Y5 – 820.85 chở T6.

+ Xe 4: L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không rõ BKS chở Q.

+ Xe 5: Văn A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu tím than, không đeo BKS.

+ Xe 6: Bá Đ1 điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade, màu đen, không đeo BKS, chở L3.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, nhóm của H di chuyển đến trên đoạn đường gần Công an xã M (cũ) thuộc địa phận thôn T, xã S, TP . thì gặp 01 nhóm thanh niên di chuyển trên đường K - 07 xe mô tô (sau đây gọi là nhóm X) đi ngược chiều. Hai nhóm có lời qua tiếng lại và mắng chửi nhau. Nhóm của H hô đuổi, quay đầu, phóng xe đuổi theo nhóm X với vận tốc khoảng 80 – 90km/h, lạng lách, đánh võng nhằm mục đích đánh nhóm X. Khi đến khu vực gần giao với Quốc lộ A, xe của H và D ép được 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, không rõ BKS của 02 nam thanh niên thuộc nhóm X. Lúc này, nam thanh niên ngồi sau xe Honda Vario bỏ chạy xuống ruộng, H vẫn ngồi trên xe còn D vứt kiếm xuống rìa đường và đạp 01 lần vào chân trái của nam thanh niên điều khiển Honda Vario. Sau đó, xe của T4 và T6, xe của Việt A1 và Đ1 đi tới thì T4 đấm 03 lần vào mặt, T6 đấm 02 lần vào lưng, Đ1 dùng tay phải cầm dép bên chân phải của Đ1 đánh 02 lần vào phần vai và đầu, Việt A1 dùng tay đẩy nam thanh niên 01 cái. L và Q tiếp tục đuổi theo nhóm thanh niên còn lại của nhóm X nhưng không đuổi kịp nên quay lại và chứng kiến sự việc nhưng không tham gia đánh. Còn xe của Văn A, xe của Đ1 & L3 tiếp

tục đuổi theo nhóm thanh niên còn lại của Nhóm X về hướng thôn T, xã S, Hà Nội. Đuổi theo được 500m thì không đuổi kịp nên Văn A, Đ1 và L3 quay về nhà.

Nhóm gồm 04 xe còn lại (xe của H & D, xe của Việt A1 & Đ1; xe của T4 & T6; xe của L & Q) di chuyển về ngã tư S. Trên đường di chuyển, nhóm gặp Nguyễn Tiến Q2 (sinh năm 2008, trú tại Đ, S, Hà Nội) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh tím than, BKS 29D2 – 448.81 chở Nguyễn Đức T9 và Nghiêm Đình T10 (cùng sinh năm 2008, trú tại thôn D, xã S, TP .) đang di chuyển trên đường. Xe của Q2 đi cùng đường với nhóm về tới Quốc lộ C rồi rẽ sang hướng Phù Lỗ.

Trên đường di chuyển, T4 chở T6 về tổ A, xã S, TP . để lấy 01 ná bắn bi sắt (Nguồn gốc ná bắn bi do T6 nhặt được ở rìa đường, T6 không nhớ vị trí cụ thể, không rõ của ai) giấu ở bãi đất trống thuộc địa phận tổ A, xã S để mang đi chơi cùng nhằm hăm họa nhóm khác rồi di chuyển tới ngã tư S, xã S, TP .. Khi tới vườn hoa S, cả nhóm ngồi nói chuyện khoảng 10 phút thì thấy Công an tuần tra nên giải tán ra về.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh. Đến ngày 26/10/2025, Phạm Huy H, Trịnh Hùng D, Tạ Quang Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Q đã đến công an xã S đầu thú và khai rõ hành vi của mình. Đến ngày 13/11/2025, Nguyễn Văn A, Dương Bá Đ1 đã đến công an xã S đầu thú và khai rõ hành vi của mình.

***Về vật chứng thu giữ*:** 01 đôi dép, đã qua sử dụng, quai màu vàng, size 42; 01 kiếm, đã qua sử dụng, dài 85cm; 01 ná bắn bi sát, đã qua sử dụng, dài 66cm, có dây cao su.

Tại **Kết luận giám định số 8505/KL-KTHS ngày 10/12/2025 của Phòng K - Công an thành phố H** kết luận:

+ 01 (một) kiếm khi nằm trong vỏ có chiều dài 93 cm, khi rút khỏi vỏ có chiều dài 88,5cm; tay cầm bằng gỗ dài 26,5cm, rộng nhất 3,4 cm; lưỡi bằng kim loại dài 62cm, bản rộng nhất 3cm, một lưỡi sắc, có đầu nhọn là kiếm, thuộc Phụ lục 3 danh mục vũ khí thô sơ ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C1 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

+ 01 (một) nỏ (ná) ở trạng thái bình thường dài 66,5cm, khi kéo tối đa dài 98,5cm; thân bằng kim loại; có tay cầm và cò là nỏ (ná) thuộc Phụ lục 3, danh mục vũ khí thô sơ ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C1 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Toàn bộ số vật chứng tạm giữ trên được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Hà Nội để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô là phương tiện các đối tượng sử dụng vào việc đi đánh nhau: Quá trình điều tra xác định, các xe mô tô do Tạ Quang Đ, Nguyễn Quốc T4, Trịnh

Hùng D, Nguyễn Văn L3 sử dụng đều là tài sản hợp pháp của gia đình các đối tượng, việc các đối tượng sử dụng xe máy đi đánh nhau thì gia đình không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ và đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với xe mô tô do Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn A sử dụng đều đi mượn và đã trả lại cho chủ sở hữu, Cơ quan CSĐT - Công an T không có tài liệu để xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan CSĐT - Công an T không đề cập xử lý là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Tại bản cáo trạng số 198/CT-VKS ngày 06/01/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hà Nội đã truy tố các bị cáo về tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng; sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt Trịnh Hùng D từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 124, 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Xử phạt Phạm Huy H, Nguyễn Văn L, Tạ Quang Đ, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn A và Dương Bá Đ1 từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Đề nghị HĐXX tuyên bố trả tự do ngay tại phiên toà cho các bị cáo Tạ Quang Đ, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn A và Dương Bá Đ1 nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 đôi dép, đã qua sử dụng, quai màu vàng, size 42; 01 kiếm, đã qua sử dụng, dài 85cm; 01 ná bắn bi sát, đã qua sử dụng, dài 66cm, có dây cao su.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo L, Quang Đ, H, Q:

- Về tội danh: Đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện ra đầu thú nên đề nghị HĐXX xém xét áp dụng cho bị cáo được

hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q và bị cáo Quang Đ thêm điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS

- Về hình phạt: Đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

+ Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Văn A, Bá Đ1:

- Về tội danh: Đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện ra đầu thú nên đề nghị HĐXX xém xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu,chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đầy đủ cơ sở để xác định:

Tối ngày 25/10/2025, tại khu vực tổ A, thôn M, thôn D, thôn T thuộc địa phận xã S, thành phố Hà Nội, Phạm Huy H, Trịnh Hùng D, Tạ Quang Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn A và Dương Bá Đ1 có hành vi tụ tập, sử dụng phương tiện, hung khí nguy hiểm là kiếm (do H chuẩn bị), điều khiển xe máy với tốc độ cao, đuổi đánh 01 nhóm thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch), gây mất trật tự công cộng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hà Nội truy tố bị cáo về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an ninh xã hội; xâm phạm đến các hoạt động bình thường tại nơi công cộng; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xét xử hành vi của bị cáo thật nghiêm minh mới có tác dụng răn đe bị cáo và góp phần vào việc đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nhận thức được hành vi sai trái của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và tự nguyện ra đầu thú; bị cáo Trịnh Hùng D có ông nội được tặng huân chương kháng chiến nên cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên chiếu cố giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

Về tính chất mức độ phạm tội: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có người chủ mưu, cầm đầu, các bị cáo hành động bột phát. Các bị cáo cùng nhau thống nhất đi lang thang ngoài đường gặp nhóm nào sẽ khiêu khích đánh nhau với nhóm đó; khi di chuyển có lạng lách, đánh võng. H là người chuẩn bị kiếm; D là người cùng H đi lấy kiếm nên bị cáo H và D phải chịu hình phạt cao hơn, tiếp đó là các bị cáo còn lại. Tội của các bị cáo phạm phải là loại tội nghiêm trọng.

Các bị cáo Phạm Huy H, Nguyễn Văn L, Tạ Quang Đ, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn A, Dương Bá Đ1 khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được hưởng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đang còn là học sinh, tuổi đời còn rất trẻ, thiếu hiểu biết về pháp luật nên thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với nhóm thanh niên bị nhóm của H đuổi đánh không trình báo cơ quan Công an, khu vực xảy ra sự việc không có camera nên không xác minh được nhân thân của các thanh niên nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Văn L3 (sinh ngày 18/11/2009, trú tại thôn E, xã T, TP ., thời điểm thực hiện hành vi được 15 tuổi 11 tháng 07 ngày tuổi); Nguyễn Quốc T4 (sinh ngày 13/3/2010, trú tại thôn Y, xã Đ, TP ., thời điểm thực hiện hành vi được 15 tuổi 7 tháng 12 ngày tuổi); Lê Ngọc T6 (sinh ngày 01/01/2010, trú tại thôn V, xã S, TP ., thời điểm thực hiện hành vi được 15 tuổi 09 tháng 23 ngày tuổi); Đỗ Việt A1 (sinh ngày 28/5/2010, trú tại thôn C, xã S, TP ., thời điểm thực hiện hành vi được 15 tuổi 04 tháng 27 ngày). Tại thời điểm thực hiện hành vi, các đối tượng chưa đủ 16 tuổi nên theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự các đối

tượng không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Gây tối trật tự công cộng, quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã có Công văn gửi UBND các xã T, xã Đ đề nghị xử lý hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã đối với L3, T4; Văn bản đề nghị Tổ CSKV Công an xã S xử lý hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã đối với T6 và Việt A1.

[5] Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu huỷ 01 đôi dép, đã qua sử dụng, quai màu vàng, size 42; 01 kiếm, đã qua sử dụng, dài 85cm; 01 ná bắn bi sát, đã qua sử dụng, dài 66cm, có dây cao su.

[6] Các vấn đề khác: Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Huy H, Nguyễn Văn L, Tạ Quang Đ, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn A, Dương Bá Đ1 và Trịnh Hùng D phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt Trịnh Hùng D 27 (hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (năm mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024;

+ Xử phạt Phạm Huy H 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt Nguyễn Văn L 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Xử phạt Tạ Quang Đ 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt Nguyễn Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt Nguyễn Văn A 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt Dương Bá Đ1 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên toà cho các bị cáo Tạ Quang Đ, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn A và Dương Bá Đ1 nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Giao bị cáo Phạm Huy H, Trịnh Hùng D, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Q cho UBND xã S, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Giao bị cáo Nguyễn Văn A, Dương Bá Đ1 cho UBND xã T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Giao bị cáo Tạ Quang Đ cho UBND xã N, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của luật thi hành án hình sự 2019.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo" theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự và điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89; 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 đôi dép, đã qua sử dụng, quai màu vàng, size 42; 01 kiếm, đã qua sử dụng, dài 85cm; 01 ná bắn bi sát, đã qua sử dụng, dài 66cm, có dây cao su.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2026 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố H và Thi hành án dân sự thành phố H).

4. Về án phí: Áp dụng điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, người bào chữa, người đại diện theo pháp luật của các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện theo pháp luật của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND TP.Hà Nội;
- Công an TP.HN;
- THADS TP.HN;
- VKSND KV7-HN;
- Người tham gia tố tụng
- L- u HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA